|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC XVI** | **PHỤ LỤC XVI** |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP CHỨNG CHỈ AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỞ KHÍ HÓA LỎNG**  ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*** | **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP CHỨNG CHỈ AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỞ KHÍ HÓA LỎNG**  **(*Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*** |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP CHỨNG CHỈ AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỞ KHÍ HÓA LỎNG** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Số lượng môn học, mô đun:** 03 |  | Đưa xuống phần II |
|  | **Đối tượng tuyển sinh:** Theo thông tư số 40/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH | Bổ sung quy định về đối tượng tuyển sinh theo các văm bản QPPL hiện hành |
| **Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp**: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng | **Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp:** Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng. |  |
| I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO |  |
| 1. Kiến thức | 1. Kiến thức |  |
| Hiểu khái niệm, những thuật ngữ của khí hóa lỏng, biết tính chất hóa lý của khí hóa lỏng và ô nhiễm của khí hóa lỏng gây ra; hiểu những quy định an toàn trên phương tiện chở khí hóa lỏng và biết xử lý khi gặp sự cố; hiểu cấu trúc, trang thiết bị phương tiện chở khí hóa lỏng. | Trình bày được khái niệm, những thuật ngữ của khí hóa lỏng, biết tính chất hóa lý của khí hóa lỏng và ô nhiễm của khí hóa lỏng gây ra; hiểu những quy định an toàn trên phương tiện chở khí hóa lỏng và biết xử lý khi gặp sự cố; hiểu cấu trúc, trang thiết bị phương tiện chở khí hóa lỏng. |  |
| 2. Kỹ năng | 2. Kỹ năng |  |
| Vận hành thành thạo hệ thống, thiết bị chứa đựng, vận chuyển khí hóa lỏng. | Vận hành thành thạo hệ thống, thiết bị chứa đựng, vận chuyển khí hóa lỏng. |  |
| 3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp | 3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm |  |
| Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. | Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. |  |
| II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | Điều chỉnh tên mục phù hợp với nội dung của mục |
|  | 1. Số lượng mô đun đào tạo: 02 | Đưa từ phần trên xuống cho phù hợp |
| Thời gian của khóa học: 45 giờ, bao gồm: | 2. Thời gian của khóa học: 40 giờ, bao gồm: | Giảm thời gian cho phù hợp với đối tượng đào tạo và nội dung chương trình |
| 1. Thời gian thực học: 40 giờ. | a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 38 giờ |  |
| 2. Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc khóa học: 05 giờ. | b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun: 02 giờ |  |
| III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO | III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian**  **đào tạo (giờ)** | | MH 01 | Giới thiệu về khí hóa lỏng | 10 | | MĐ 02 | An toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng | 15 | | MĐ 03 | Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện chở khí hóa lỏng | 15 | | **Tổng cộng** | | **40** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MĐ 01 | Khí hóa lỏng và công tác an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng | 22 | | MĐ 02 | Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện chở khí hóa lỏng | 18 | | **Tổng cộng** | | **40** | | -Phân chia thời gian cho rõ ràng thuận lợi trong quá trình thực hiện  -Gộp MH01 vào MĐ02 vì nội dung ở MH01 quá ít. |
| IV. KIỂM TRA KẾT THÚC KHÓA HỌC | IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH |  |
|  | 1. Hình thức đào tạo: |  |
|  | Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp. | Quy định hình thức đào tạo để các cơ sở đào tạo thực hiện |
|  | 2. Kiểm tra kết thúc mô đun: |  |
|  | - Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.  - Điểm tổng kết các mô đun phải đạt từ 5,0 trở lên mới đủ điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học. | Bổ sung hướng dẫn cho cơ sở đào tạo |
|  | 3. Kiểm tra kết thúc khóa học: |  |
| Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Môn kiểm tra** | **Hình thức kiểm tra** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện | Thực hành | | Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các mô đun, học viên được tham dự kỳ kiểm tra kết thúc khóa học để được cấp chứng chỉ An toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng, gồm các nội dung sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Môn kiểm tra** | **Hình thức kiểm tra** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Vận hành hệ thống làm hàng trên phương tiện | Thực hành | |  |
|  | 4. Hướng dẫn khác: |  |
|  | - Cơ sở đào tạo xây dựng chương trình chi tiết cho từng mô đun đảm bảo nội dung phù hợp; đảm bảo số giờ lý thuyết, số giờ thực hành và số giờ kiểm tra theo đúng quy định.  - Định kỳ hàng năm, nội dung các mô đun trong chương trình phải được rà soát và cập nhật vào chương trình chi tiết cho phù hợp với thực tế. | Quy định cụ thể trách nhiệm của cơ sở đào tạo |
| V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC |  | Bỏ việc quy định chương trình chi tiết để các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng giáo trình, tài liệu, thống nhất với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của dự thảo Thông tư. |
| 1. Tên môn học**: GIỚI THIỆU VỀ KHÍ HÓA LỎNG** |  |
| a) Mã số: MH 01. |  |
| b) Thời gian: 10 giờ. |  |
| c) Mục tiêu: giúp người học hiểu khái niệm, các tính chất lý hóa, những thuật ngữ của xăng dầu để có kế hoạch trong vận chuyển và xếp dỡ đảm bảo an toàn cho người và phương tiện. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Khái niệm, tính chất và các thuật ngữ | 7 | | 1.1 | Khái niệm | | 1.2 | Tính chất | | 1.3 | Các thuật ngữ | | 2 | Bài 2: Ô nhiễm do khí hóa lỏng gây ra | 3 | | 2.1 | Ô nhiễm môi trường nước | | 2.2 | Ô nhiễm môi trường không khí | | **Tổng cộng** | | **10** |   đ) Hướng dẫn thực hiện môn học: |  |  |
| Căn cứ vào tài liệu về khí hóa lỏng và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết. |  |  |
| 2. Tên mô đun: **AN TOÀN LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỞ KHÍ HÓA LỎNG** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 02. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học hiểu những quy định an toàn trên phương tiện chở khí hóa lỏng nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng con người, phương tiện, hàng hóa. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Các quy định về an toàn | 2 | | 2 | Bài 2: Công tác phòng, chống cháy nổ trên phương tiện chở khí hóa lỏng | 8 | | 3 | Bài 3: Thực hành ứng cứu khi bị cháy nổ trên phương tiện | 5 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, các tài liệu liên quan về khí hóa lỏng, các văn bản pháp luật quy định về an toàn và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành ngay trên các bãi tập của nhà trường, phòng y tế và trên phương tiện huấn luyện. |  |  |
| 3. Tên mô đun: **VẬN HÀNH HỆ THỐNG LÀM HÀNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN CHỞ KHÍ HÓA LỎNG** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 03. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: giúp người học hiểu những nguyên tắc cơ bản nhất trong quá trình vận hành hệ thống làm hàng nhằm bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tránh bị tổn thất. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Cấu trúc, trang thiết bị trên phương tiện chở khí hóa lỏng | 4 | | 1.1 | Cấu trúc phương tiện chở khí hóa lỏng | | 1.2 | Trang thiết bị trên phương tiện chở khí hóa lỏng | | 2 | Bài 2: Vận hành hệ thống làm hàng và an toàn, cứu sinh, cứu hỏa, phòng độc trên phương tiện chở khí hóa lỏng | 11 | | 2.1 | Công tác chuẩn bị | | 2.2 | Các thao tác vận hành | | 2.3 | Những điều cần chú ý khi vận hành giao nhận khí hóa lỏng | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình cấu trúc phương tiện, an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành trên bãi tập của nhà trường và trên phương tiện huấn luyện. |  |  |